TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2023.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Dũng

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Thắm - là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú: ấp 1A, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 9B, xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị A (gọi tắt là bà A) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, bà A và ông T do quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Bà Á và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang ngày 27/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Bé Th (giới tính: nữ) hiện cháu đáng sống chung với bà Á, bà Á có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Á xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Văn T vắng mặt không có lý do. Không thể hiện bất kỳ ý kiến, đề nghị gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Trần Thị Á khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn Trịnh Văn T (cư trú trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang). Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn Trịnh Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Á và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của bà Á và ông T được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống bà Á và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Á cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông T không thể hàn gắn, bà Á không thể tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Á và ông T nhiều lần để hòa giải, động viên ông, bà đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt. Trong khi đó bà Á luôn cương quyết xin ly hôn. Tòa án xét thấy, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà Á và

ông Tuấn thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Bà Á với ông T đã ly thân gần 10 năm nay. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà Á và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà Á yêu cầu xin ly hôn với ông T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á. Cho bà Á và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2]. Về con chung: Bà Á và ông T có 01 con chung cháu Trịnh Bé Th (giới tính: nữ), sinh ngày 18/01/2013. Xét thấy, từ khi bà Á và ông T ly thân cho đến nay, cháu Th được bà Á chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa cháu Bé Th có nguyện vọng sống chung với bà Á. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Bé Th cho bà Á được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Á chưa yêu cầu. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Á khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Á khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Á phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Á đối với ông Trịnh Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Á và ông Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bé Th (giới tính: nữ), sinh ngày 18/01/2013 cho bà Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Á chưa yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi của các cháu, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Bà Á khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Á khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Á phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Á đã nộp theo lai thu số 0003447 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND huyện Vị Thủy;
- THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp